

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2020/DS-ST

Ngày 29/9/2020

V/v hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Thanh T

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Bà Dương Thị Tú P;

2/. Ông Phan Văn C.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Danh Văn A – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Yến P – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2019/TLST-DS ngày 27/12/2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tiền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXX-ST ngày 29 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2020/QĐST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2020 và Thông báo dời ngày xét xử giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đ V L, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp Bình Thạnh A, xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Chị N T X, sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp Bình Tốt A, xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

(Anh L và Chị X có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai nguyên đơn anh Đ V L trình bày:

Chị N T X có vay tiền của anh L 02 lần, cụ thể: vào ngày 24/4/2019 dương lịch, chị X vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/ 1 tháng, thời hạn vay 06 tháng, có làm giấy tay, đến ngày 20/5/2019 chị X có trả số tiền lãi là 300.000 đồng; vào ngày

16/5/2019 chị X tiếp tục vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 0,3%/ 1 ngày, 10 ngày đóng lãi 1 lần, thời hạn vay 06 tháng, có lập hợp đồng vay vốn ghi ngày 16/5/2019 và chị X có giao cho anh L 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh “TÂM – ANH” của chị X cho anh L để làm tin ; từ khi vay tiền đến nay chị X chỉ có trả cho anh L 300.000 đồng tiền lãi, chưa trả tiền gốc. Nay anh L yêu cầu cá nhân chị N T X trả tiền nợ vay gốc là 20.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 16/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn chị N T X có lời khai trình bày:

Thừa nhận vào ngày 24/4/2019 chị X có vay tiền của anh L số nợ gốc là 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 5%/ tháng, thời hạn vay là 06 tháng, việc vay tiền này có làm giấy tay có chị và anh L ký tên vào; lần thứ hai chị X có vay tiền của anh L vào ngày 16/5/2019 với số tiền gốc là 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 0,3%/ ngày tức 9%/ 1 tháng, thời hạn vay là 6 tháng, có làm giấy tay có chị và anh L ký tên vào, chị X có giao cho anh L 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cơ sở sản xuất nước lọc tên (TÂM – ANH) của chị X để làm tin. Nay chị N T X đồng ý trả cho anh Đ V L số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng, trả tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 16/5/2019 cho đến nay.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về thủ tục tố tụng, quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ V L, buộc chị N T X có nghĩa vụ trả cho anh Đ V L số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 5.476.000 đồng. Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 trong giai đoạn thi hành án; ghi nhận sự tự nguyện của anh L, buộc anh L có nghĩa vụ giao trả cho chị X giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 60B004600 tên hộ kinh doanh TÂM – ANH. Về án phí: buộc chị X phải chịu số tiền 1.273.800 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đ V L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị N T X trả tiền nợ vay, chị X có địa chỉ cư trú tại ấp Bình Tốt A, xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long. Vì vậy, căn cứ vào Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long. Anh L, chị X có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên việc xét xử vắng mặt anh L và chị X là phù hợp với quy định tại điểm a,b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Theo đơn khởi kiện, lời khai của anh Đ V L và lời khai của chị N T X đều thống nhất nội dung: vào ngày 24/4/2019 dương lịch, chị X vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/ 1 tháng, thời hạn vay 06 tháng, có làm giấy tay; đến ngày 16/5/2019 chị X tiếp tục vay của anh L số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 0,3%/ 1 ngày, 10 ngày đóng lãi 1 lần, thời hạn vay 06 tháng, có lập hợp đồng vay vốn ghi ngày 16/5/2019 và chị

X có giao cho anh L 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh “TÂM – ANH” là cơ sở sản xuất nước lọc của vợ chồng chị X và anh Ngô Trường Bình.

[3] Về tiền lãi, anh L xác định từ ngày 24/9/2019 cho đến ngày 15/5/2019 anh chỉ có nhận của chị X số tiền 300.000 đồng tiền lãi; còn chị X xác định đã đóng tiền lãi cho anh L đến ngày 16/5/2020. Tuy nhiên, do cả anh L và chị X không có yêu cầu về tiền lãi đã trả trong giai đoạn này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Lời thừa nhận của chị N T X về việc còn thiếu anh L số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và tiền nợ lãi từ ngày 16/5/2019 trong Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 29/6/2020 là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ V L kiện đòi chị N T X trả tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và tiền nợ lãi được tính như sau: Tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định mức lãi suất thỏa thuận không được vượt quá 20%/ năm nên được tính bằng 20%/1 năm; từ ngày 16/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 29/9/2020 là 01 năm 04 tháng 13 ngày x 20.000.000 đồng x 20%/ 1 năm = 5.476.000 đồng.

[5] Đối với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 60B004600 ngày 29/10/2018 tên TÂM –ANH mà anh L đang giữ; tại biên bản lấy lời khai ngày 28/9/2020, anh L tự nguyện sẽ giao trả cho chị X nên được ghi nhận.

[6] Về án phí: Buộc chị N T X phải chịu án phí giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, khoản 2 Điều 92, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 280, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ V L đòi chị N T X trả tiền nợ vay gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 16/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Buộc chị N T X có nghĩa vụ trả tiền cho anh Đ V L tiền nợ vay gốc là 20.000.000 đ (Hai mươi triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 5.476.000 đ (Năm triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Tổng cộng là 25.476.000 đ (Hai mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2/. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ V L về việc tự nguyện giao trả Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 60B004600 ngày 29/10/2018 tên TÂM –ANH cho chị X. Buộc anh Đ V L có nghĩa vụ giao trả Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 60B004600 ngày 29/10/2018 tên TÂM –ANH cho chị N T X.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị N T X phải nộp số tiền 1.273.000 đ (Một triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn đồng); Anh Đ V L đã tạm ứng số tiền 500.000 đ (Năm trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0004567 ngày 27 tháng 12 năm 2019 được hoàn lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long.

Án xử sơ thẩm công khai, vắng mặt các đương sự, báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nội nhan

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đồng sở;
- Lưu.

Quách Thanh Tồn

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỈNH BẠC LIÊU

Bản án số: 64/2020/DS-ST

Ngày 29/9/2020

V/v hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Thanh Tồn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Bà Dương Thị Tú Phương;

2/. Ông Phan Văn Chiếu.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Danh Văn An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Yến Phi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2019/TLST-DS ngày 27/12/2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tiền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXX-ST ngày 29 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2020/QĐST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2020 và Thông báo dời ngày xét xử giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đ V L, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp Bình Thạnh A, xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Chị N T X, sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp Bình Tốt A, xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

(Anh L và Chị X có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai nguyên đơn anh Đ V L trình bày:

Chị N T X có vay tiền của anh L 02 lần, cụ thể: vào ngày 24/4/2019 dương lịch, chị X vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/ 1 tháng, thời hạn vay 06 tháng, có làm giấy tay, đến ngày 20/5/2019 chị X có trả số tiền lãi là 300.000 đồng; vào ngày 16/5/2019 chị X tiếp tục vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 0,3%/ 1 ngày, 10 ngày đóng lãi 1 lần, thời hạn vay 06 tháng, có lập hợp đồng vay vốn ghi ngày 16/5/2019

và chị X có giao cho anh L 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh “TÂM – ANH” của chị X cho anh L để làm tin ; từ khi vay tiền đến nay chị X chỉ có trả cho anh L 300.000 đồng tiền lãi, chưa trả tiền gốc. Nay anh L yêu cầu cá nhân chị N T X trả tiền nợ vay gốc là 20.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 16/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn chị N T X có lời khai trình bày:

Thừa nhận vào ngày 24/4/2019 chị X có vay tiền của anh L số nợ gốc là 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 5%/ tháng, thời hạn vay là 06 tháng, việc vay tiền này có làm giấy tay có chị và anh L ký tên vào; lần thứ hai chị X có vay tiền của anh L vào ngày 16/5/2019 với số tiền gốc là 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 0,3%/ ngày tức 9%/ 1 tháng, thời hạn vay là 6 tháng, có làm giấy tay có chị và anh L ký tên vào, chị X có giao cho anh L 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cơ sở sản xuất nước lọc tên (TÂM – ANH) của chị X để làm tin. Nay chị N T X đồng ý trả cho anh Đ V L số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng, trả tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 16/5/2019 cho đến nay.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về thủ tục tố tụng, quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ V L, buộc chị N T X có nghĩa vụ trả cho anh Đ V L số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 5.476.000 đồng. Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 trong giai đoạn thi hành án; ghi nhận sự tự nguyện của anh L, buộc anh L có nghĩa vụ giao trả cho chị X giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 60B004600 tên hộ kinh doanh TÂM – ANH. Về án phí: buộc chị X phải chịu số tiền 1.273.800 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đ V L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị N T X trả tiền nợ vay, chị X có địa chỉ cư trú tại ấp Bình Tốt A, xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long. Vì vậy, căn cứ vào Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long. Anh L, chị X có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên việc xét xử vắng mặt anh L và chị X là phù hợp với quy định tại điểm a,b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Theo đơn khởi kiện, lời khai của anh Đ V L và lời khai của chị N T X đều thống nhất nội dung: vào ngày 24/4/2019 dương lịch, chị X vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/ 1 tháng, thời hạn vay 06 tháng, có làm giấy tay; đến ngày 16/5/2019 chị X tiếp tục vay của anh L số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 0,3%/ 1 ngày, 10 ngày đóng lãi 1 lần, thời hạn vay 06 tháng, có lập hợp đồng vay vốn ghi ngày 16/5/2019 và chị X có giao cho anh L 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh “TÂM – ANH” là cơ sở sản xuất nước lọc của vợ chồng chị X và anh Ngô Trường Bình.

[3] Về tiền lãi, anh L xác định từ ngày 24/9/2019 cho đến ngày 15/5/2019 anh chỉ có nhận của chị X số tiền 300.000 đồng tiền lãi; còn chị X xác định đã đóng tiền lãi cho anh L đến ngày 16/5/2020. Tuy nhiên, do cả anh L và chị X không có yêu cầu về tiền lãi đã trả trong giai đoạn này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Lời thừa nhận của chị N T X về việc còn thiếu anh L số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và tiền nợ lãi từ ngày 16/5/2019 trong Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 29/6/2020 là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ V L kiện đòi chị N T X trả tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và tiền nợ lãi được tính như sau: Tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định mức lãi suất thỏa thuận không được vượt quá 20%/ năm nên được tính bằng 20%/1 năm; từ ngày 16/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 29/9/2020 là 01 năm 04 tháng 13 ngày x 20.000.000 đồng x 20%/ 1 năm = 5.476.000 đồng.

[5] Đối với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 60B004600 ngày 29/10/2018 tên TÂM –ANH mà anh L đang giữ; tại biên bản lấy lời khai ngày 28/9/2020, anh L tự nguyện sẽ giao trả cho chị X nên được ghi nhận.

[6] Về án phí: Buộc chị N T X phải chịu án phí giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, khoản 2 Điều 92, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 280, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ V L đòi chị N T X trả tiền nợ vay gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 16/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Buộc chị N T X có nghĩa vụ trả tiền cho anh Đ V L tiền nợ vay gốc là 20.000.000 đ (Hai mươi triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 5.476.000 đ (Năm triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Tổng cộng là 25.476.000 đ (Hai mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2/. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ V L về việc tự nguyện giao trả Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 60B004600 ngày 29/10/2018 tên TÂM –ANH cho chị X. Buộc anh Đ V L có nghĩa vụ giao trả Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 60B004600 ngày 29/10/2018 tên TÂM –ANH cho chị N T X.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị N T X phải nộp số tiền 1.273.000 đ (Một triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn đồng); Anh Đ V L đã tạm ứng số tiền 500.000 đ (Năm trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0004567 ngày 27 tháng 12 năm 2019 được hoàn lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long.

Án xử sơ thẩm công khai, vắng mặt các đương sự, báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Thanh Tồn

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 29 tháng 9 năm 2020.

Tại phòng nghị án của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Thanh Tồn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Bà Dương Thị Tú Phương;

2/. Ông Phan Văn Chiếu.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 228/2020/TLST – DS ngày 27 tháng 12 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa:

1. *Nguyên đơn*: Anh Đ V L, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp Bình Thạnh A, xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn*: Chị N T X, sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp Bình Tốt A, xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 về tất cả các vấn đề như sau:

- *Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, khoản 2 Điều 92, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;*

- *Căn cứ vào các Điều 280, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;*

- *Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ V L đòi chị N T X trả tiền nợ vay gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 16/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Buộc chị N T X có nghĩa vụ trả tiền cho anh Đ V L tiền nợ vay gốc là 20.000.000 đ (Hai mươi triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 5.476.000 đ (Năm triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Tổng cộng là 25.476.000 đ (Hai mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2/. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ V L về việc tự nguyện giao trả Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 60B004600 ngày 29/10/2018 tên TÂM –ANH cho chị X. Buộc anh Đ V L có nghĩa vụ giao trả Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 60B004600 ngày 29/10/2018 tên TÂM –ANH cho chị N T X.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị N T X phải nộp số tiền 1.273.000 đ (Một triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn đồng); Anh Đ V L đã tạm ứng số tiền 500.000 đ (Năm trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0004567 ngày 27 tháng 12 năm 2019 được hoàn lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long.

Án xử sơ thẩm công khai, vắng mặt các đương sự, báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 29 tháng 9 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Chiếu Dương Thị Tú Phương

Quách Thanh Tồn